TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂY HỒ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HSST
Ngày: 27/01/2021
Về tội "Đánh bạc"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Việt Hùng**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Bùi Quang Luyết**

Ông **Nguyễn Chu Thực**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hà Ngọc Tiến** – Thư ký.

- Đại diện VKSND quận Tây Hồ tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Ngọc Tùng** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại Toà án nhân dân Quận Tây Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 260/2020/HSST ngày 10 tháng 12 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/QĐXX-HSST ngày 14 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Bàn Văn L.**; Giới tính: Nam; Sinh năm 1990 tại: Yên Bái; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư trú: Thôn 8, xã ĐQ., huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; Con ông: Bàn Xuân V3. và Con bà: Hoàng Thị N2.; Vợ: Nguyễn Thị T3. (đã ly hôn); Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2014 (đã chết); Theo danh chỉ bản số 354 lập ngày 17 tháng 9 năm 2020 do Công an quận Tây Hồ lập thì tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/8/2020 đến 24/8/2020 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ. Hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Trương Công Đỉnh** - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội (có mặt).

2/ Họ tên: **Chu Xuân S.**; Giới tính: Nam; Sinh năm 1985 tại: Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Lái xe; HKTT+ Nơi cư trú: Thôn NL., xã VT., huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương; Con ông: Chu Văn V4. (đã chết) và con bà: Phạm Thị X.; Vợ: Đỗ Thị Th2.

(đã ly hôn); Bị cáo có 01 con, con lớn sinh năm 2005; Theo danh chỉ bản số 341 ngày 23 tháng 8 năm 2020 do Công an quận Tây Hồ lập Tiền án, tiền sự: Tiền án: 06 tiền án đã được xóa án tích: Bản án số 08 ngày 28/02/2002, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ - Hải Dương xử phạt 12 tháng cải tạo không giam về tội trộm cắp tài sản; Bản án số 32/HSST ngày 02-07-2003, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ - Hải Dương xử phạt 12 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản.Tại Quyết định giám đốc thẩm số 05/QĐGĐT ngày 26/12/2003, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử giám đốc thẩm đối với phần hình phạt của hai bản án nêu trên,xử phạt 12 tháng 12 ngày tù. Bản án số 01/2006/HSST ngày 22/02/2006, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ - Hải Dương xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bản án số 26/2006/HSST, ngày 27/02/2006, Tòa án nhân dân Thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương xử phạt 21 tháng về tội Trộm cắp tài sản. Bản án số 72/2006/HSST ngày 23/10/2006, Tòa án nhân dân thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng về tội Trốn khỏi nơi giam giữ. Bản án số 26/2009/HSST, ngày 25/9/2009, Tòa án nhân dân huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 36 tháng về tội Trốn khỏi nơi giam giữ. Tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 15/8/2020. Bị cáo hiện đang tạm giam tại trạm giam số 1 công an TP Hà Nội- có mặt tại phiên tòa.

3/ Họ và tên: **Đặng Ngọc Đ. (tên gọi khác Nguyễn Đại H2.) -** Giới tính: Nam; Sinh năm -1988; Tại: Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư trú: thôn VL., xã HX. , huyện Đoan Hùng, Tỉnh Phú Thọ; Con ông: Không rõ; con bà: Đặng Thị Th5.; Vợ: Nguyễn Thị Thanh L2.; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2016; Theo danh chỉ bản số 362 ngày 07 tháng 09 năm 2020 do Công an quận Tây Hồ lập Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/8/2020 đến 24/8/2020 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ. Hiện nay bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4/ Họ tên: **Đặng văn Th.;** Giới tính: Nam; Sinh năm 1992; Tại: Yên Bái; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; HKTT + Nơi cư trú: Thôn QT., xã TM., huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; Con ông: Đặng Văn Đ3. và con bà: Lý Thị T4.; Vợ Vi Thị V5.; có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ 2020; Theo danh chỉ bản số 355 ngày 07 tháng 09 năm 2020 do Công an quận Tây Hồ lập thì Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/8/2020 đến 24/8/2020 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ. Hiện nay bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Nguyễn Thị Kim Dung** - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội (có mặt).

5/ Họ tên: **Trương Văn T.;** Giới tính: Nam; Sinh năm 1993; Tại: Yên Bái; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; HKTT+ Nơi cư trú: thôn X. xã ĐQ., huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; Con ông: Trương Văn T5. và Con bà: Bàn Thị Ê. (Đã chết); Vợ: Triệu Thị H3.; Bị cáo có 01 con sinh năm 2012; Theo danh chỉ bản số 361 ngày 17 tháng 09

năm 2020 do Công an quận Tây Hồ lập thì Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/8/2020 đến 24/8/2020 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ. Hiện nay bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Lê Thu Hằng** - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội (có mặt).

6/ Họ tên: **Bàn Văn N.**; Giới tính: Nam; Sinh năm 1989; Tại: Yên Bái; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư trú: thôn 3 (nay là thôn C.) xã AL., huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; Con ông: Bàn Văn H4. và Con bà: Trương Thị Ch.; Vợ: Trương Thị Th3.; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; Theo danh chỉ bản số 357 ngày 17 tháng 09 năm 2020 do Công an quận Tây Hồ lập Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/8/2020 đến 24/8/2020 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ. Hiện nay bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Nguyễn Thị Kim Dung** - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội (có mặt).

7/ Họ tên: **Nguyễn Văn S2.;** Giới tính: Nam; Sinh năm 1973; Tại: Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 4/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Nơi cư trú: Thôn CD., Xã NH., huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Con ông: Nguyễn Văn Nh. và con bà: Trần Thị T6. (Đã chết); Vợ: Trần Thị T7.; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1995; Theo danh chỉ bản số 356 ngày 07 tháng 09 năm 2020 do Công an quận Tây Hồ lập Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/8/2020 đến 24/8/2020 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ. Hiện nay bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8/ Họ tên: **Lý Văn P.;** Giới tính: Nam; Sinh năm 1993; Tại*:* Yên Bái; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; HKTT+ Nơi cư trú: thôn 8, xã ĐQ., huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; Con ông: Lý Văn H5. và con bà: Chương Thị Ch2.; Vợ Bàng Thị X2., có 2 con, lớn sinh 2014 và nhỏ 2018; Theo danh chỉ bản số 358 ngày 07 tháng 09 năm 2020 do Công an quận Tây Hồ lập Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/8/2020 đến 24/8/2020 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ. Hiện nay bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Nguyễn Thị Hà** - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội (xin vắng mặt).

9/ Họ tên: **Nguyễn Văn K.;** Giới tính: Nam; Sinh năm 1973; Tại: Phú Thọ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa 5/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; HKTT+ Nơi cư trú: thôn ĐK., xã HX., huyện Đoan Hùng,

tỉnh Phú Thọ; Con ông: Nguyễn Văn M. và Con bà: Nguyễn Thị B.; Vợ: Nguyễn Thị H6.: Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2000; Theo danh chỉ bản số 360 ngày 07 tháng 09 năm 2020 do Công an quận Tây Hồ lập Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/8/2020 đến 24/8/2020 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ. Hiện nay bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

10/ Họ tên: **Bàn Văn C.;** Giới tính: Nam; Sinh năm 1990; Tại: Yên Bái; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; HKTT+ Nơi cư trú: thôn 8 ĐQ. – Lục Yên – Yên Bái; Con ông: Bàn Văn Th3. và con bà: Nguyễn Thị Ch4.; Vợ: Nguyễn Thị Ng., có 2 con lớn sinh năm 2013 và nhỏ 2015; Theo danh chỉ bản số 359 ngày 07 tháng 09 năm 2020 do Công an quận Tây Hồ lập Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15/8/2020 đến 24/8/2020 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giữ. Hiện nay bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư **Lê Thu Hằng** - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 22h00 ngày 15/8/2020 tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về TTXH Công an quận Tây Hồ phối hợp cùng Công an phường Phú Thượng làm nhiệm vụ phòng chống tội phạm đã phát hiện và bắt quả tang các bị cáo Đặng Ngọc Đ. (SN: 1988, HKTT: thôn V. - HX. - Đoan Hùng - Phú Thọ); Chu Xuân S. (SN: 1985, HKTT: N2. - VT. - Tứ Kỳ - Hải Dương); Đặng văn Th. (SN: 1992, HKTT: xã TM. - Lục Yên - Yên Bái); Nguyễn Văn S2. (SN: 1973, HKTT: xã NH. - Yên Sơn - Tuyên Quang); Nguyễn Văn K. (SN: 1973, HKTT: Thôn ĐK. - HX. - Đoan Hùng - Phú Thọ), Bàn Văn L. (SN: 1982, HKTT: Thôn 8 xã ĐQ. - Lục Yên - Yên Bái); Lý Văn P. (SN: 1993, HKTT: Thôn 8 xã ĐQ. - Lục Yên - Yên Bái); Bàn Văn N. (SN: 1989, HKTT: thôn 3 AL. - Lục Yên - Yên Bái), Trương Văn T. (SN: 1993, HKTT: thôn 8 xã ĐQ. - Lục Yên - Yên Bái), Bàn Văn C. (SN: 1990, HKTT: thôn 8 xã ĐQ. - Lục Yên - Yên Bái) đang tham gia đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa. Tại vị trí đánh bạc còn có các đối tượng Ma Văn Đ2. (SN:1984, HKTT: Xóm NM., LT., Định Hóa, Thái Nguyên); Hoàng Văn T2. (SN: 1977, HKTT: V., HX., Đoan Hùng, Phú Thọ); Nguyễn Văn V2. (SN: 1964, HKTT: Thôn ĐK., HX., Đoan Hùng, Phú Thọ); Nguyễn Huy H. (SN: 1985, HKTT: Xóm B., Thị trấn T., Ba Vì, Hà Nội) và Nguyễn Thị Thanh L2. (SN: 1990, HKTT: xã HQ., Đoan Hùng, Phú Thọ). Tổ công tác đã lập biên bản thu giữ tổng số tiền trên chiếu bạc là 7.900.000 đồng (bảy triệu chín trăm nghìn đồng); 01 bát sứ, 01 đĩa sứ và 04 quân vị và đưa các đối tượng về trụ sở để giải quyết.

Vật chứng thu giữ:

- Thu giữ tại chiếu bạc: 01 (một) bát màu trắng bằng sứ, phần đáy ngoài bát có ghi chữ Long Phượng; 01 (một) đĩa màu trắng bằng sứ; 04 (bốn) quân vị hình tròn được cắt từ tú lơ khơ có một mặt màu xanh đen, mặt còn lại màu trắng.

+ Tiền Việt Nam: 7.900.000 đồng (bảy triệu chín trăm nghìn đồng).

- Thu giữ của Bàn Văn L.: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPOA12 màu xanh, số IMEI: 865073042857657.

- Thu giữ của Đặng văn Th.: 01 điện thoại OPPO màu đen đã qua sử dụng.

- Thu giữ của Nguyễn Văn S2.: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4+ đã qua sử dụng.

- Thu giữ của Bàn Văn N.: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 đã qua sử dụng, số IMEI: 356359054037866.

- Thu giữ của Lý Văn P.: 01 điện thoại OPPO F9 màu tím đã qua sử dụng.

- Thu giữ của Bàn Văn C.: 01 điện thoại OPPO A5 đã qua sử dụng.

- Thu giữ của Trương Văn T.: 01 điện thoại Samsung Galaxy J6+ màu đen đã qua sử dụng.

- Thu giữ của Đặng Ngọc Đ.: 01 điện thoại di động OPPO màu xanh.

Quá trình điều tra xác định:

Đặng Ngọc Đ., Chu Xuân S., Đặng văn Th., Nguyễn Văn S2., Nguyễn Văn K.**,** Ma Văn Đ2., Hoàng Văn T2., Nguyễn Văn V2., Nguyễn Huy H., Nguyễn Thị Thanh L2. cùng là thợ xây dựng đang sinh sống tại lán công trình có địa chỉ: hẻm 353/38/30 An Dương Vương - Phú Thượng - Tây Hồ - Hà Nội. Khoảng 20 giờ ngày 15/8/2020, Bàn Văn L., Lý Văn P., Bàn Văn N. và Trương Văn T. là thợ chở vật liệu xây dựng đến lán tại công trình trên và ngồi ăn cơm, uống rượu cùng tốp thợ xây dựng trên. Sau khi ăn uống xong, Bàn Văn L., Chu Xuân S., Đặng Ngọc Đ., Lý Văn P., Trương Văn T., Bàn Văn N. cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền. L. bảo S. đi cắt quân vị để đánh bạc. S. dùng kéo cắt quân 04 quân vị hình tròn từ quân bài tú lơ khơ (các quân vị có dạng hình tròn, gồm 02 mặt, một mặt màu xanh, mặt còn lại màu trắng). Sau khi cắt quân vị xong thì S. đứng dậy đi vào nhà vệ sinh để tắm, giặt quần áo. L. thấy ở trong phòng có bát sứ và đĩa sứ (loại bát đĩa dùng trong bữa cơm) nên đã lấy 01 bát sứ (bên ngoài có ghi chữ Long Phượng) màu trắng và 01 đĩa sứ màu trắng để làm công cụ đánh bạc. Cả nhóm ngồi thành hình vòng tròn ở trên chiếu ăn để đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa thắng thua bằng tiền, L. là người "xóc cái"; Cách thức cụ thể như sau: L. đặt 04 quân vị lên trên mặt đĩa, sau đó úp bát lên và dùng tay cầm bộ bát đĩa nâng lên hạ xuống hoặc lắc bát cùng đĩa để cho các quân vị trong bát nảy lên nhiều lần. Khi L. đặt bát đĩa xuống là kết thúc "xóc cái" trong một ván bạc. Lúc này các bị cáo tham gia đánh bạc sẽ đặt cược. Cụ thể có 02 cửa để đặt cược được quy ước bên tay phải L. là cửa chẵn, bên tay trái L. là cửa lẻ, người tham gia đánh bạc đặt tiền vào một trong hai

cửa với mức đặt cược tối thiểu là 50.000 đồng/ván bạc, không quy định mức cược tối đa. Khi các bị cáo đặt tiền xong thì L. sẽ mở bát ra, căn cứ vào màu của các quân vị để xác định thắng thua. Nếu 04 quân vị cùng một mặt (cùng màu xanh hoặc cùng màu trắng) hoặc 02 quân vị trong 04 quân vị cùng một mặt (2 quân vị màu xanh, 2 quân vị màu trắng) gọi là chẵn và các bị cáo đặt tiền cửa chẵn sẽ thắng. Nếu một trong bốn quân vị khác màu với 03 quân vị còn lại (3 quân màu trắng, 1 quân màu xanh hoặc ngược lại) thì gọi là lẻ và các bị cáo đặt tiền cửa lẻ sẽ thắng. Các bị cáo thắng trong 1 ván đánh thì được số tiền bằng số tiền đã đặt cửa, nếu thua sẽ mất số tiền đặt cửa. L. sẽ thu tiền bên thua và trả tiền cho người thắng bạc, L. được hưởng thắng thua bằng số tiền chênh lệch giữa hai cửa. Trong lúc L. cùng các đồng phạm đánh bạc thì Nguyễn Văn S2., Bàn Văn C., Chu Xuân S. đi vào và tham gia đánh bạc. Một lúc sau, Chu Xuân S. thua hết tiền nên đã đứng dậy đi sang chiếu bên cạnh ngồi xem mọi người đánh bạc. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, K. và Th. tỉnh dậy và tham gia đánh bạc. Đến 22 giờ cùng ngày, khi các đối tượng đang đánh bạc thì Công an quận Tây Hồ phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng.

Quá trình đánh bạc, các bị cáo sử dụng số tiền tham gia đánh bạc cụ thể như sau:

+ Đối với L. khai: Khi tham ra đánh bạc, L. bỏ ra số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) để đánh bạc với mọi người, đến khi bị bắt giữ L. có 2.500.000 đồng, L. thắng 1.000.000 đồng

+ Đối với Th.: khi tham gia đánh bạc, Th. có mang theo 750.000 đồng và sử dụng số tiền 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) này để đánh bạc với mọi người, đến khi bị bắt giữ Th. đã thua hết số tiền đánh bạc

+ Đối với S.: khi tham gia đánh bạc, S. có 70.000 đồng trong người và bỏ ra 50.000 đồng đặt cược vào cửa chẵn, ván bạc này S. thắng 50.000 đồng. Tiếp đó S. tiếp tục đánh tiếp và đặt cược toàn bộ số tiền 120.000 đồng vào cửa chẵn và đã thua hết số tiền trên nên đã đứng dậy đi sang chiếu bên cạnh ngồi xem mọi người đánh bạc. Đến khi bị bắt, S. đã thua hết tiền.

+ Đối với S2.: S2. mang theo 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), S2. đã sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc. Đến khi bị bắt, S2. đã thua hết số tiền đánh bạc.

+ Đối với N.: khi tham gia đánh bạc, N. mang theo số tiền 650.000 đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) để đánh bạc. Khi bị bắt giữ N. có 1.200.000 đồng. N. thắng 550.000 đồng

+ Đối với P.: khi tham gia đánh bạc, P. mang theo số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi bị bắt P. đã thua hết tiền.

+ Đối với C.: khi tham gia đánh bạc, C. mang theo số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi bị bắt giữ có 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). C. thắng được 1.500.000 đồng

+ Đối với K.: khi tham gia đánh bạc, K. có số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) và sử dụng toàn bộ số tiền này để đánh bạc. Khi bị bắt giữ K. đã thua hết số tiền trên.

+ Đối với T.: Khi tham gia đánh bạc, T. có 700.000 đồng và sử dụng số tiền 700.000 (bảy trăm nghìn đồng) này để đánh bạc. Khi bị bắt giữ, T. có 550.000 đồng . T. Thua 150.000 đồng

+ Đối với Đ.: Khi tham gia đánh bạc, Đ. có 1.930.000 đồng (một triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) và sử dụng số tiền này để đánh bạc. Khi bị bắt giữ, Đ. có 1.650.000 đồng Đ. thua số tiền 280.000 đồng

Tại cơ quan công an, các bị cáo đã khai nhận hành vi vi phạm của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu khác cơ quan điều tra thu thập được.

Đối với Nguyễn Văn V2.: Vinh ngồi ăn uống cùng mọi người đến khoảng 20 giờ thì ăn xong và sang chiếu bên cạnh nằm ngủ. Đến khi cơ quan công an kiểm tra mới biết những người trên tham gia đánh bạc. Do đó không có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Văn V2..

Đối với Ma Văn Đ2.: Đ2. ngồi ăn uống cùng mọi người đến gần 21h thì đứng dậy đi tắm và giặt quần áo. Đến khi Đ2. quay lại thì thấy mọi người đang ngồi đánh bạc xóc đĩa được thua bằng tiền, L. là người cầm cái. Đ2. không tham gia đánh bạc. Do đó không có căn cứ để xử lý đối với Ma Văn Đ2..

Đối với Hoàng Văn T2.: Toàn ngồi ăn uống từ 19h đến khoảng 21h00 thì ăn xong và đi vệ sinh, sau đó nằm nghỉ tại chiếu bên cạnh. Khi nằm nghỉ thì Toàn có nghe thấy mọi người nói chuyện đánh bạc nhưng không quay ra xem nên không rõ cụ thể những ai đánh bạc. Đến khoảng 22h thì cơ quan công an kiểm tra hành chính thì Toàn mới biết những người trên tham gia đánh bạc và biết cơ quan công an đã thu giữ trên chiếu bạc số tiền 7.900.000 đồng và 01 bộ bát đĩa bằng sứ, 04 quân vị. Do đó không có căn cứ để xử lý đối với Hoàng Văn T2..

Đối với Nguyễn Thị Thanh L2.: Sau khi mọi người ăn uống xong thì Luân có thấy mọi người rủ nhau đánh bạc, lúc này L2. thu dọn bát đĩa để dọn rửa nên có biết việc mọi người đánh bạc nhưng không ngồi xem. Bản thân L2. khai trong quá trình mọi người đánh bạc không nhìn thấy có ai thu tiền phế, tiền hồ cũng như đứng cảnh giới. L2. không tham gia đánh bạc cùng. Do vậy, không đủ căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Thị Thanh L2..

Đối với Tống Văn V6.: V6. thuê nhà cho Đặng Ngọc Đ. và các thợ xây dựng ở để xây nhà, làm công trình. V6. không ăn ở, sinh sống cùng và không biết các bị cáo đánh bạc tại phòng trọ do đó không có căn cứ để xử lý đối với Tống Văn V6..

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPOA12 màu xanh thu giữ của Bàn Văn L., 01 điện thoại OPPO màu đen thu giữ của Đặng văn Th., 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4 thu giữ của Nguyễn Văn S2., 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 đã qua sử dụng thu giữ của Bàn Văn N., 01 điện thoại

OPPO F9 màu tím thu giữ của Lý Văn P., 01 điện thoại OPPO A5 thu giữ của Bàn Văn C., 01 điện thoại Samsung Galaxy J6 thu giữ của Trương Văn T., 01 điện thoại di động OPPO màu xanh thu giữ của Đặng Ngọc Đ.. Các bị cáo khai nhận là tài sản của các bị cáo do lao động mà có không sử dụng để đánh bạc. Ngày 31/08/2020cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng số 73 trao trả các tài sản trên cho các bị cáo Bàn Văn L., Đặng văn Th., Nguyễn Văn S2., Bàn Văn N., Lý Văn P., Bàn Văn C., Trương Văn T., Đặng Ngọc Đ.. Các bị cáo đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì.

Bản cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 03/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ đã truy tố các bị cáo Bàn Văn L., Đặng văn Th., Chu Xuân S., Nguyễn Văn S2., Bàn Văn N., Lý Văn P., Bàn Văn C., Nguyễn Văn K., Trương Văn T., Đặng Ngọc Đ. phạm tội: " Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND quận Tây Hồ giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS.

Xử phạt Chu Xuân S. từ 12 đến 15 thỏng tự giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 321 BLHS, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS.

Xử phạt Bàn Văn L., Đặng Ngọc Đ., Bàn Văn C. từ 08 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 đến 24 tháng.

Xử phạt Đặng văn Th., Trương Văn T., Bàn Văn N., Nguyễn Văn S2., Lý Văn P., Nguyễn Văn K. từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Về hình phạt bổ sung: các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ nhà nước 7.900.000 đồng (bảy triệu chín trăm nghìn đồng).

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 bát màu trắng bằng sứ, phần đáy ngoài bát có ghi chữ Long Phượng, 01 đĩa màu trắng bằng sứ, 04 quân vị hình tròn được cắt từ tú lơ khơ có một mặt màu xanh đen, mặt còn lại màu trắng.

Tại phiên tòa người bào chữa cho các bị cáo đều xác định các bị cáo bị cáo Bàn Văn L., Đặng văn Th., Bàn Văn N., Lý Văn P., Bàn Văn C., Trương Văn T. là có tội. Tuy nhiên, do các bị cáo người dân tộc Dao, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, là đối tượng được trợ giúp pháp lý nhà nước nên đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng đủ sức răn đe và giáo dục trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội. Không áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị các.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo xác định có tội, ăn năn hối cải xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Tây Hồ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, qua xét hỏi và tranh luận các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai nhân chứng, phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ 00 phút ngày 15/8/2020, tại lán công trình có địa chỉ: hẻm 353/38/30 An Dương Vương - Phú Thượng - Tây Hồ - Hà Nội, Bàn Văn L., Đặng văn Th., Chu Xuân S., Nguyễn Văn S2., Bàn Văn N., Lý Văn P., Bàn Văn C., Nguyễn Văn K., Trương Văn T., Đặng Ngọc Đ. đã có hành vi đánh bạc trái phép thắng thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 7.900.000 đồng (bảy triệu chín trăm nghìn đồng thì bị tổ công tác Đội cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội - Công an quận Tây Hồ phối hợp cùng Công an phường Phú Thượng phát hiện và bắt quả tang. Như vậy, đã đủ cơ sở để khẳng định hành vi của các bị cáo Bàn Văn L., Đặng văn Th., Chu Xuân S., Nguyễn Văn S2., Bàn Văn N., Lý Văn P., Bàn Văn C., Nguyễn Văn K., Trương Văn T., Đặng Ngọc Đ. đã phạm vào tội đánh bạc, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội,các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, trật tự K. cương xã hội, cờ bạc là một tệ nạn đang ngày càng gia tăng trên địa bàn thủ đô. Các bị cáo biết rõ những tác hại do cờ bạc gây ra và cũng biết rõ nhà nước ta nghiêm cấm và coi việc chơi cờ bạc dưới mọi hình thức là vi phạm pháp luật thế nhưng chỉ vì động cơ hám lời, thích được thua bằng tiền các bị cáo đã cố ý phạm tội. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra truy tố và xét xử là cần thiết có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân:

Bị cáo Chu Xuân S. có 06 tiền án:

Bản án số 08 ngày 28/02/2002, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ - Hải Dương xử phạt 12 tháng cải tạo không giam về tội trộm cắp tài sản (tài sản trộm cắp dưới 2.000.000 đồng) (được xóa theo Nghị quyết 33/2014); Bản án số 32/HSST ngày 02-07-2003, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ - Hải Dương xử phạt 12 tháng tù về tội cưỡng đoạt tài sản; Tại Quyết định giám đốc thẩm số 05/QĐGĐT ngày 26/12/2003, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử giám đốc thẩm đối với phần hình phạt của

hai bản án nêu trên,xử phạt 12 tháng 12 ngày tù về tội Cưỡng đoạt tài sản. Ra trại ngày 24/3/2004. (xác minh tại chi cục thi hành án huyện Tứ Kỳ - Hải Dương xác định không tìm thấy hồ sơ dữ liệu trong lưu trữ, bị cáo khai đã đóng án phí); Bản án số 01/2006/HSST ngày 22/02/2006, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ - Hải Dương xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. (xác minh tại chi cục thi hành án huyện Tứ Kỳ - Hải Dương xác định bị cáo đã đóng án phí năm 2006.); Bản án số 26/2006/HSST, ngày 27/02/2006, Tòa án nhân dân Thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương xử phạt 21 tháng về tội Trộm cắp tài sản. (xác minh tại chi cục thi hành án huyện Tứ Kỳ - Hải Dương xác định bị cáo được miễn thi hành án phí tháng 8/2015. Đối với việc bị cáo phải bồi thường cho anh Tiến nhưng đến thời điểm hiện nay anh Tiến không có yêu cầu thi hành án. Như vậy đã hết thời hiệu thi hành án); Bản án số 72/2006/HSST ngày 23/10/2006, Tòa án nhân dân thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng về tội Trốn khỏi nơi giam giữ. Tổng hợp hình phạt với những ngày chưa chấp hành xong hình phạt tù theo bản bản án ngày 22/02/2006, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ - Hải Dương và bản án ngày 27/02/2006, Tòa án nhân dân Thành phố Hải Dương - tỉnh Hải Dương. Xử phạt 49 tháng 16 ngày tù. (xác minh tại chi cục thi hành án huyện Tứ Kỳ - Hải Dương xác định đã ra quyết định đình chỉ thi hành án vào ngày 21/9/2012); Bản án số 26/2009/HSST, ngày 25/9/2009, Tòa án nhân dân huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 36 tháng về tội Trốn khỏi nơi giam giữ. Tổng hợp hình phạt với những ngày chưa chấp hành xong hình phạt tù theo bản án Ngày 23/10/2006, Tòa án nhân dân thị xã Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Xử phạt 51 tháng 15 ngày tù. Ra trại ngày 02/10/2003. Bị cáo đã nộp án phí vào ngày 26/9/2014.

Các bị cáo Bàn Văn L., Đặng văn Th., Nguyễn Văn S2., Bàn Văn N., Lý Văn P., Bàn Văn C., Nguyễn Văn K., Trương Văn T., Đặng Ngọc Đ. chưa có tiền án, tiền sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ:

Các bị cáo Bàn Văn L., Đặng văn Th., Nguyễn Văn S2., Bàn Văn N., Lý Văn P., Bàn Văn C., Nguyễn Văn K., Trương Văn T., Đặng Ngọc Đ. được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra các bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Chu Xuân S. tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Về tình tiết tăng nặng: Không.

Xét vai trò của các bị cáo này như sau:

Bị cáo Bàn Văn L. là người khởi xướng việc đánh bạc nên mức hình phạt phải tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên căn cứ vào nhân

thân của bị cáo thì thấy không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng đủ sức răn đe và giáo dục bị cáo.

Đối với các bị cáo Chu Xuân S. tham gia với vai trò là người tích cực, bị cáo trực tiếp đi cắt quân vị để đánh bạc. Về nhân thân, bị cáo có 06 tiền án mặc dù đến nay đã được xóa án tích nhưng chứng tỏ bị cáo đã được cơ quan pháp luật giáo dục mà vẫn phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mới đủ sức răn đe và giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

Đối với các bị cáo Đặng văn Th., Nguyễn Văn S2., Bàn Văn N., Lý Văn P., Bàn Văn C., Nguyễn Văn K., Trương Văn T., Đặng Ngọc Đ. phạm tội có mức độ, số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc không nhiều nên không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để các bị cáo cải tạo ngoài xã hội cũng đủ sức răn đe và giáo dục các bị cáo. Tuy nhiên, khi áp dụng hìn phạt thì cần căn cứ vào số tiền của từng bị cáo tham gia đánh bạc và khi bị bắt giữ thu giữ để phân hóa trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Đối với các bị cáo Bàn Văn L., Đặng văn Th., Bàn Văn N., Lý Văn P., Bàn Văn C., Trương Văn T. là người dân tộc, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, là đối tượng được trợ giúp pháp lý nhà nước nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với các bị cáo Chu Xuân S., Nguyễn Văn S2.,Nguyễn Văn K., Đặng Ngọc Đ. không có việc làm không ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với số tiền 7.900.000 đồng là tiền tang vật của các bị cáo đánh bạc.

Đối với 01 bát màu trắng bằng sứ, phần đáy ngoài bát có ghi chữ Long Phượng; 01 đĩa màu trắng bằng sứ; 04 (bốn) quân vị hình tròn được cắt từ tú lơ khơ có một mặt màu xanh đen, mặt còn lại màu trắng là vật chứng của vụ án cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí và các bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

Bị cáo Bàn Văn L., Đặng Văn Th., Chu Xuân S., Nguyễn Văn S2., Bàn Văn N., Lý Văn P., Bàn Văn C., Nguyễn Văn K., Trương Văn T., Đặng Ngọc Đ. phạm tội " Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Chu Xuân S..

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i,s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Bàn Văn L., Đặng Văn Th., Nguyễn Văn S2., Bàn Văn N., Lý Văn P., Bàn Văn C., Nguyễn Văn K., Trương Văn T., Đặng Ngọc Đ..

- Áp dụng khoản 2 Điều 106; Điều 329; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

Xử phạt:

1/ Bị cáo Chu Xuân S. 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 8 năm 2020.

2/ Bị cáo Bàn Văn L. 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã ĐQ., huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái quản lý giáo dục trong thời hạn thử thách.

3/ Bị cáo Đặng Ngọc Đ. (tức Nguyễn Đại H2.) 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã HX., huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ quản lý giáo dục trong thời hạn thử thách.

4/ Bị cáo Bàn Văn N. 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã AL., huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái quản lý giáo dục trong thời hạn thử thách.

5/ Bị cáo Bàn Văn C. 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã ĐQ., huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái quản lý giáo dục trong thời hạn thử thách.

6/ Bị cáo Đặng Văn Th. 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã TM., huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái quản lý giáo dục trong thời hạn thử thách.

7/ Bị cáo Trương Văn T. 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã ĐQ., huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái quản lý giáo dục trong thời hạn thử thách.

8/ Bị cáo Nguyễn Văn S2. 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã NH., huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang quản lý giáo dục trong thời hạn thử thách.

9/ Bị cáo Lý Văn P. 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã xã ĐQ., huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái quản lý giáo dục trong thời hạn thử thách.

10/ Bị cáo Nguyễn Văn K. 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 14 (mười bốn) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã HX., huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ quản lý giáo dục trong thời hạn thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Về hình phạt bổ sung:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước vật chứng của vụ án là: 7.900.000 đồng hiện đang được lưu giữ tại kho bạc nhà nước quận Tây Hồ theo giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.9053573 ngày 3 tháng 9 năm 2020.

Tịch thu tiêu huỷ vật chứng của vụ án 01 bát màu trắng bằng sứ, phần đáy ngoài bát có ghi chữ Long Phượng; 01 đĩa màu trắng bằng sứ; 04 (bốn) quân vị hình tròn được cắt từ tú lơ khơ có một mặt màu xanh đen, mặt còn lại màu trắng.

Số tang vật nêu trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Tây Hồ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23 tháng 12 năm 2020.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tây Hồ;
- THA quận Tây Hồ;
- Công an quận Tây Hồ;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

TM/ Hội đồng xét xử
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Việt Hùng